

Bản án số: 280/2022/DS-PT

Ngày 29-9-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế
Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 203/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Tôn Hưng V - Sinh năm: 1952 (Có mặt).

2. Bà Lê Thị X – Sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của ông V: Ông Dương Công L, sinh năm 1983; địa chỉ : đường T, khóm 8 phường 5 thành phố C (Theo giấy ủy quyền ngày 19-9-2022) (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn C1 - Sinh năm: 1967.

2. Bà Phan Thị A – Sinh năm 1969.

Người đại diện hợp pháp của bà A: Ông Trần Văn C1, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của ông C1: Bà Lâm Hồng C, sinh năm 1960, địa chỉ: Địa chỉ: khóm 3, phường 5, thành phố C (Theo văn bản ủy quyền ngày 27-9-2022) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A: Bà Lâm Hồng Cẩm là luật sư Văn phòng luật sư Lâm Hồng Cẩm thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Kim T (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C ..

2. Ông Võ Văn H (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C ..

3. Ủy ban nhân dân huyện T (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị A, ông Trần Văn C1 – là bị đơn.

- *Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, hòa giải, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phía nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 16-3-2005 vợ chồng ông Tôn Hưng V, bà Lê Thị X có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Võ Văn H, bà Nguyễn Kim T phần đất chiều ngang 30m, chiều dài 65m với diện tích 1.977m² thuộc thửa 175 (nay là thửa số 889), tờ bản đồ số 16 và phần đất chiều ngang 1,5m, chiều dài 22m với diện tích 33m² thuộc thửa 20 (nay là thửa số 52) tờ bản đồ số 26 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Hợp đồng chuyển nhượng phần đất nêu trên do vợ chồng bà T, ông H trực tiếp ký và đến ngày 20-6-2005 vợ chồng ông V, bà X được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20-6-2005.

Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông V không canh tác mà cho ông Lượm mượn phần đất để làm ruộng và ông Trần Văn C1 (là bà con, ông V là anh cô cậu của ông C1) mượn một phần đất còn lại (hiện đang tranh chấp) nằm trong tổng diện tích 1.977m² nêu trên để đào ao nuôi cá, nhưng khi cho mượn các bên không có làm giấy tờ.

Đến năm 2018 vợ chồng ông V đòi lại phần đất cho vợ chồng ông C1 mượn, thì ông C1 không trả và cho rằng phần đất là của ông C1 nên phát sinh tranh chấp đến nay.

Nay vợ chồng ông V, bà X yêu cầu vợ chồng ông C1, bà A trả lại phần đất theo đo đạc thực tế tại mảnh trích đo ngày 26-02-2019 với diện tích 291,4m² nằm trong tổng diện tích 1.977m² thuộc thửa 889 tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Đối với phần đất vợ chồng ông V cho ông Lượm mượn, vợ chồng ông V không yêu cầu giải quyết.

- *Trình bày của phía bị đơn:* Vào ngày 27-5-2004 ông C1 có nhận chuyển nhượng của ông Võ Minh Hiếu phần đất với hiện trạng là 01 cái đĩa cạ với chiều ngang 36m, chiều dài 12m với giá 2.300.000 đồng. Phần đất có tứ cận mặt tiền giáp phần đất bà Trang, mặt hậu giáp phần đất ông V, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất ông 6 Vững, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà Phụng. Toàn bộ phần đất trên vào năm 2006 ông C1, bà A được Ủy ban nhân dân huyện Thới B cấp Giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 715m² thuộc thửa 900, 901 tờ bản đồ số 26 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Vợ chồng ông C1, bà A quản lý sử dụng phần đất chuyển nhượng nêu trên và đào ao nuôi cá đến năm 2018, thì phát sinh tranh chấp với vợ chồng ông V, bà X. Nay vợ chồng ông C1, bà A yêu cầu tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế tại mảnh trích đo ngày 26-02-2019 với diện tích 291,4m² thuộc phần đất có tổng diện tích 715m² thuộc thửa 900, 901 tờ bản đồ số 26 đất tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (do Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 10/5/2006). Thời gian ông quản lý sử dụng phần đất tranh chấp do vợ chồng ông C1 đào ao và đầu tư trên đất, nhưng nay vợ chồng ông C1 không yêu cầu xem xét giải quyết.

Từ nội dung trên bản án sơ thẩm quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tôn Hưng V và bà Lê Thị X về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn C1 và bà Phan Thị A trả lại phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn C1 và bà Phan Thị A phải khai thác 01 cây tràm úc và các tài sản có trên phần đất tranh chấp (nếu có) để trả lại cho vợ chồng ông Tôn Hưng V và bà Lê Thị X phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế tại mảnh trích đo hiện trạng ngày 26-02-2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Thới Bình với diện tích 291,4m², đất tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: Mặt tiền (hướng ra Quốc lộ 63) giáp phần đất còn lại của ông V không tranh chấp có mốc M6M14 dài 29,78m; mặt hậu giáp phần đất còn lại không tranh chấp của ông V có mốc M8M20 dài 29,99m; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất Phụng, Chiến đang tranh chấp có mốc M6M8 dài 9,71m; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại ông V, ông C1 không xác định có mốc M14M20 dài 9,81m.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13-7-2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình kháng cáo theo hướng yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 18-7-2022 bị đơn là ông Trần Văn C1 và bà Phan Thị A kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn đề nghị sửa án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nếu không sửa án được đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện nguyên đơn tranh luận đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm: Đất nguyên đơn được cấp trước đất bị đơn, cấp năm 2005, đất bị đơn cấp sau, cấp năm 2006; cơ quan chức năng xác định phần đất tranh chấp thuộc Giấy CNQDD của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình; giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút lại toàn bộ kháng nghị, nên đình chỉ xét xử đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hiện trạng phần đất tranh chấp: Theo mảnh trích đo hiện trạng ngày 26/02/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Thới Bình thì phần đất tranh chấp có diện tích 291,4m² tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; có vị trí: Mặt tiền giáp phần đất còn lại của ông V, bà X (và giáp đất có hướng ra Quốc lộ 63) có mốc M6M14 dài 29,78m; mặt hậu giáp phần đất còn lại không tranh chấp của ông V, bà X có mốc M8M20 dài 29,99m; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất Phụng, Chiến đang tranh chấp có mốc M6M8 dài 9,71m; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại ông V, ông C1 không xác định có mốc M14M20 dài 9,81m.

[4] Xét căn cứ kháng cáo của bị đơn, thấy rằng:

[4.1] Bị đơn cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp do bị đơn sang nhượng, cụ thể tại giấy nhượng đất ngày 27-5-2004 (BL 50) ông H thừa nhận có chuyển nhượng cho ông C1 phần đất ruộng "chiều ngang 12 tầm, chạy vô 4 tầm (số 4 có tẩy sửa), phía Đông giáp Út Chín, Tây giáp anh C1, Nam giáp anh Út Bó, Bắc giáp anh C1" với giá chuyển nhượng là 2.300.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 24-6-2020 (BL 158) ông H xác định ông có chuyển nhượng cho vợ

chồng ông C1 phần đất diện tích 715m², trong phần đất ông chuyển nhượng có 01 cái ao do ông đào và (hiện đang tranh chấp); khi chuyển nhượng 02 bên đã thực hiện xong thủ tục chuyển tên QSD đất cho vợ chồng ông C1, ông C1 được cấp Giấy CNQSDĐ năm 2006.

[4.2] Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 17-9-2018 (BL 60, 61) bà T (vợ ông H) cho rằng vào năm 2004 bà và ông H có chuyển nhượng cho vợ chồng ông V, bà X phần đất diện tích 1.977m² thuộc thửa 175 tờ bản đồ số 16, nhưng chỉ thỏa thuận miệng và phần đất có tứ cận phía Đông giáp ông Nguyễn Văn Hiện (hiện đất bà Nguyễn Thị Phụng quản lý), phía Tây và Nam giáp ông Trần Văn C1, phía bắc giáp ông Đặng Văn Lượm; đến năm 2005 vợ chồng bà T lập thủ tục chuyển nhượng theo quy định cho vợ chồng ông V phần đất diện tích 33m² (làm lối ra Quốc lộ 63) thuộc thửa 20 tờ bản đồ số 26, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau với tứ cận phía đông giáp ông Nguyễn Văn Muộn, phía tây giáp ông Vũ, phía nam giáp ông V, phía bắc giáp Quốc lộ 63. Đồng thời, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng cả 02 phần đất nêu trên (hợp đồng do bà T cùng ông H ký vào ngày 16-3-2005). Đồng thời, bà T xác định khi chuyển nhượng đất cho ông V trong phần đất diện tích 1.977m² có 01 phần cái đìa lạn (đất đang tranh chấp); phần đất diện tích 33m² chuyển nhượng cho ông V mục đích làm đường đi với chiều dài từ Quốc lộ 63 đến giáp phần đất diện tích 1.977m². Việc ông H có chuyển nhượng cho ông C1 nhưng bà không biết thời gian và diện tích bao nhiêu do ông H chuyển nhượng không cho bà T biết.

[4.3] Tại biên bản ghi lời khai ngày 08-6-2022 ông Lượm là người mượn đất vuông của ông V xác định: Vào năm 2011 ông Lượm có mượn phần đất vuông của ông V. Phần đất ông Lượm mượn giáp với phần đất và ao hiện vợ chồng ông V đang tranh chấp với vợ chồng ông C1. Khi ông Lượm mượn thì thấy ông C1 có nuôi cá trong ao nhưng do ông mượn đất vuông nên không xác định được phần tranh chấp là của ai.

[4.4] Tại biên bản hòa giải ngày 08-6-2017 của tổ hòa giải ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (BL11); biên bản hòa giải ngày 25-6-2018 của Ủy ban nhân dân xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (BL21), tại các biên bản hòa giải tại TAND huyện Thới Bình ngày 11-9-2018 (BL 56), ngày 04-10-2018 (BL67), ngày 25-5-2020, ngày 18-6-2020, thì vợ chồng ông V và vợ chồng ông C1 cùng thống nhất trình bày phần đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà T, ông H. Tuy nhiên, vợ chồng ông V cho rằng phần đất tranh chấp là một phần nằm trong tổng diện tích 1.977m² thuộc thửa đất số 889, tờ bản đồ số 16 do Ủy ban nhân dân huyện Thới B cấp ngày 20-6-2005 Giấy chứng nhận QSD đất cho ông V và bà X đứng tên, vợ chồng ông C1 thì cho rằng phần đất tranh chấp có một phần nằm trong tổng diện tích 715m² do Ủy ban nhân dân huyện Thới B cấp ngày 10-5-2006 Giấy chứng nhận QSD đất do ông C1 và bà A đứng tên. Từ đó, cấp sơ thẩm có văn bản xác minh, tại Công văn số: 993/CV-CN.VPĐKĐĐ ngày 19-7-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình về việc phúc đáp Công văn số: 316/TA ngày 14-7-2021 của TAND huyện Thới Bình xác định phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế thuộc quyền sử

dụng đất của ai, thì Chi nhánh xác định phần đất tranh chấp theo mảnh trích đo số 68/2018 với diện tích 291,4m² thuộc thửa số 889, tờ bản đồ số 16 (bản đồ thành lập năm 2003) và khẳng định "*Phần đất trên đã được UBND huyện Thới Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tôn Hưng V, sinh năm 1952 và bà Lê Thị X, sinh năm 1956 vào năm 2005 với diện tích 1.977m², số phát hành AC 694028, Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 02721, tại thửa đất số 889, tờ bản đồ số 16 (bản đồ thành lập 2003)...*". Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện đòi diện tích đất tranh chấp là có cơ sở phù hợp.

[4.5] Hơn nữa, đối với thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho vợ chồng ông V, vợ chồng ông C1, cho thấy: Phần đất ông V, bà X được diện tích 1.977m² là được thực hiện từ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 16-3-2005 (chuyển nhượng từ phần đất đã được cấp cho bà T, Giấy QSDĐ số 01303 của Ủy ban nhân dân huyện Thới B ngày 06-7-2001). Còn phần đất vợ chồng ông C1, bà A đứng tên QSDĐ, diện tích 715m² thuộc thửa 900, 901 tờ bản đồ số 26 là được thực hiện từ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 03-01-2006 (chuyển nhượng từ Giấy CNQSD đất số H 02717 và H 02718 do bà T và ông H đứng tên); các bên cũng thống nhất với việc cấp Giấy CNQSDĐ, nên việc bị đơn cho rằng đất tranh chấp là của bị đơn là không có cơ sở.

[4.6] Bên cạnh đó, vợ chồng ông H, vợ chồng ông V cùng xác định khi chuyển nhượng phần đất diện tích 1.977m² thì có chuyển nhượng cùng lúc phần đất làm đường đi vào phần đất diện tích 1.977m² với diện tích 33m² thuộc thửa 52 tờ bản đồ 26 đất cùng tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Việc xác định của vợ chồng ông V, vợ chồng ông H phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20-02-2019 của TAND huyện Thới Bình và Mảnh trích đo địa chính số 68/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình, là ngoài phần đất tranh chấp nêu trên để vợ chồng ông V vào phần đất vuông thì vợ chồng ông V không còn đường nào khác để đi vào phần đất vuông của vợ chồng ông V. Hiện trạng sử dụng đất của nguyên đơn là phù hợp với bản trích hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[4.7] Từ những căn cứ nêu trên, án sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông C1 phải khai thác 01 cây tràm úc và các tài sản có trên phần đất tranh chấp (nếu có) để trả lại cho vợ chồng ông V, bà X phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế với diện tích 291,4m² đất tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau là có cơ sở. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp, như đại diện của VKSND là phù hợp.

[4.8] Đối với việc bị đơn cho rằng đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H và bà T nhưng bị thiếu đất, thì có quyền yêu cầu để giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên vợ chồng ông C1, bà A phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.345.000 đồng, chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng

ông C1, bà A phải chịu là 10.345.000đ (Mười triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C1 và bà A phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về án phí phúc thẩm, do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn C1 và bà Phan Thị A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2022/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tôn Hưng V và bà Lê Thị X về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn C1 và bà Phan Thị A trả lại phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Văn C1 và bà Phan Thị A phải khai thác 01 cây tràm úc và các tài sản có trên phần đất tranh chấp (nếu có) để trả lại cho vợ chồng ông Tôn Hưng V và bà Lê Thị X phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế tại mảnh trích đo hiện trạng ngày 26/02/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Thới Bình với diện tích 291,4m², đất tọa lạc tại ấp 2, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Phần đất có vị trí tứ cận như sau: Mặt tiền (hướng ra Quốc lộ 63) giáp phần đất còn lại của ông V không tranh chấp có mốc M6M14 dài 29,78m; mặt hậu giáp phần đất còn lại không tranh chấp của ông V có mốc M8M20 dài 29,99m; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất Phụng, Chiến đang tranh chấp có mốc M6M8 dài 9,71m; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất còn lại ông V, ông C1 không xác định có mốc M14M20 dài 9,81m.

3. Chi phí tố tụng khác: Buộc vợ chồng ông Trần Văn C1 và bà Phan Thị A có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông Tôn Hưng V và bà Lê Thị X chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản với số tiền là 10.345.000 đ (Mười triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

4. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông V và bà X cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C1 và bà A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn C1 và bà Phan Thị A phải nộp 809.000đ (Tám trăm lẻ chín nghìn đồng). Ông Tôn Hưng V và bà Lê Thị X không phải chịu án phí, vào ngày 20-7-2018 ông V và bà X có dự nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005615 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình nay được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn C1, bà Phan Thị A phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số: 0015116 ngày 18-7-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. Thới Bình;
- Chi Cục THADS H. Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

